TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN,** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 19-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó và bà Lê Thị Bống
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ V Q, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1990 tại Bắc Yên - Sơn La; nơi cư trú: tiểu khu V Ban, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ V hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Th V; con bà: Đỗ Thị X; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 đến nay, "có mặt".

2. Trần Thanh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1988 tại Bắc Yên - Sơn La; nơi cư trú: tiểu khu Phiêng Ban 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ V hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình T; con bà: Trần Thị H; tiền án: ngày 21/5/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 đến nay, "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La "vắng mặt".

+ anh Dương Thế V, sinh năm 1984; nơi cư trú: tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 16/5/2019, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển

kiểm soát: 26F5-3637 chở Đỗ V Q cùng đi xuống huyện Phù Yên mục đích để mua ma túy cùng nhau sử dụng. Khi cả hai đến huyện Phù Yên, T gọi điện thoại di động cho người đàn ông tên Tùng để hỏi mua ma túy. Do không biết nơi bán ma túy ở huyện Phù Yên nên Tùng đưa Q và T đến nhà một người đàn ông ở xã Thượng Bằng La, huyện V Chấn, tỉnh Yên Bái để hỏi mua ma túy. Người đàn ông đó đưa T và Tùng đi mua được 1 gói ma túy với giá 800.000đồng. Trong đó, T góp 300.000đồng và Q góp 500.000đồng. Sau khi mua được ma túy, người đàn ông kia đưa cho T giữ gói ma túy rồi cùng quay lại nhà người đàn ông lạ mặt. Sau đó, cả bốn người cùng nhau sử dụng một phần, phần ma túy còn lại T, Tùng và Q chia Th 3 gói, mỗi người lấy một gói. T điều khiển xe mô tô chở Q đi về. Trên đường về khi đến khu vực bản Suối Bí thuộc xã Mường Cơi, huyện Phù Yên thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Tại biên bản mở niêm phong, cân tịnh và lấy mẫu gửi giám định xác định (Bút lục số 10): Vật chứng thu giữ của Đỗ V Q là 01 gói chất bột màu trắng có tổng khối lượng là 0,183 gam. Cơ quan điều tra đã lấy 0,092 gam (ký hiệu Q) gửi giám định. Vật chứng thu giữ của Trần Thanh T là 01 gói chất bột màu trắng có tổng khối lượng là 0,05 gam. Cơ quan điều tra đã lấy 0,05 gam (ký hiệu T) gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 867 ngày 09/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận (Bút lục số 12): Mẫu gửi giám định ký hiệu Q, T đều là ma túy, loại Heroine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,142 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,233 gam, loại Heroine. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận của Cơ quan điều tra và của Phòng kỹ thuật hình sự nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 55/CT – VKS - PY ngày 06/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố Đỗ V Q và Trần Thanh T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kết thúc việc xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T đủ yếu tố cấu Th tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ V Q từ 18 đến 24 tháng tù. Xử phạt Trần Thanh T từ 12 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,091 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định, nilon gói ma túy và phong bì niêm phong vật chứng khi bắt người phạm tội quả tang. Trả lại cho anh Phạm Ngọc Th 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream, BKS: 26F6 – 3637. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Trần Thanh T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám của Đỗ V Q.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T đều nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Ngọc Th có

đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn đề nghị gửi tòa án, anh Th xác nhận chiếc xe môt tô biển kiểm soát: 26F6 – 3637 là tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, bị cáo T có hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh để đi khám bệnh. Việc bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy, anh Th không được biết. Anh Phạm Ngọc Th đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô nêu trên. Người liên quan, anh Dương Thế V xác nhận có cầm đồ chiếc điện thoại Iphone 6s của bị cáo Q. Anh V đã nhận đủ số tiền 500.000đồng do gia đình bị cáo Q tự nguyện bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T đều khai nhận hành vi cất giấu Heroine để sử dụng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vận dụng tinh thần tại tiểu mục 3.1, mục 3, phần II của Thông tư liên tịch số: 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì *"Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất dấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người…) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này".*

Kết quả cân tịnh và giám định vật chứng xác định: Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,233gam, loại Heroine. Khi góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, giữa Q và T không xác định khối lượng hay phần ma túy mỗi người sẽ được hưởng tương ứng với số tiền mình đã góp mà chỉ có một mục đích là mua ma túy về cùng sử dụng. Cho nên, Q và T phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng ma túy mà cơ quan công an đã thu giữ (0,233gam).

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, quy định thì "*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine,*

Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;". Như vậy, hành vi cất giấu trái phép 0,233gam Heroine nhằm mục đích để sử dụng của Đỗ V Q và Trần Thanh T đủ yếu tố cấu Th tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được việc "Tàng trữ trái phép chất ma túy" bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy, hai bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

Xét vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án thấy rằng, bị cáo Q là người khởi xướng. Bị cáo T là người thực hành tích cực, thể hiện qua việc T đã chủ động đi mược xe mô tô để chở Q đi tìm mua ma túy. Khi đến huyện Phù Yên, T trực tiếp sử dụng điện thoại di động để liên lạc với Tùng hỏi mua ma túy. Khi sang huyện V Chấn, bị cáo T cũng là người trực tiếp đi mua ma túy.

Về nhân thân, bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo Q không có tiền án, tiền sự. Hai bị cáo đều làm nghề lao động tự do, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Th khẩn khai báo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ việc đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với hai bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,..."* do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn (Bút lục số 33). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với nilon gói ma túy và phong bì niêm phong vật chứng khi bắt người phạm tội quả tang, xác định là vật chứng, vật không có giá trị; đối với 0,091 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định, xác định là công cụ phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành. Căn cứ vào Điều 89; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát: BKS: 26F5 - 3637, xác định là tài sản của anh Phạm Ngọc Th. Chiếc xe là phương tiện giao thông của gia đình, việc bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi mua ma túy anh Th không được biết. Hội đồng xét xử cần trả lại chiếc xe cho anh Th. Xét việc gia đình bị cáo Q

bồi hoàn cho anh Dương Thế V khoản tiền 500.000đồng là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Anh V không yêu cầu khoản tiền bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại di động của Q và T xác định là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với người thanh niên tên Tùng và người đàn ông lạ mặt cư trú tại huyện V Chấn đã đưa hai bị cáo đi mua ma túy. Các bị cáo không biết họ, tên đầy đủ cũng như địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý.

Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với hai bị cáo đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam hai bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ Luật Hình sự (đối với bị cáo Q);

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 của Bộ Luật Hình sự (đối với bị cáo T);

Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ V Q và Trần Thanh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Đỗ V Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ). Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 5 năm 2019 (ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ). Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với hai bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch thu, tiêu hủy 0,091gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định; nilon gói ma túy và phong bì niêm phong vật chứng khi bắt người phạm tội quả tang (đựng trong phong bì do Công an huyện Phù Yên niêm phong). Trả lại cho anh Phạm Ngọc Th một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream, BKS: 26F5 - 3637, số máy 0065281, số khung 065247. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEL1: 352885104619331, số IMEL2: 352885105619330 của Trần Thanh T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, số IMEL: 355415077291749 của Đỗ V Q.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo Q tự nguyện bồi hoàn cho anh Dương Thế V khoản tiền 500.000 đồng.

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ V Q và Trần Th T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên; } Giao
- Người bào chữa (nếu có);
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự; } Gửi
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA